

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/HN-ST

Ngày: 29/9/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Ý, kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 204/2020/TLST - HNGĐ ngày 13/7/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2020/QĐXXST - HN ngày 09/9/2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị C, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Ấp M.C, xã V.Kh.Đ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị C: Bà Dương Thị T, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước (tỉnh Kiên Giang). (Có mặt)

* *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn Ch, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Ấp M.C, xã V.Kh.Đ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 02/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lâm Thị C trình bày và yêu cầu như sau:* Chị và anh Huỳnh Văn Ch chung sống với nhau từ năm 2007. Vợ chồng có đi thực hiện việc đăng ký kết hôn và được UBND xã V.Kh.Đ, huyện An Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/5/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại ấp M.C, xã V.Kh.Đ cho đến năm 2012 thì vợ chồng không còn sống chung nữa.

Trong quá trình vợ chồng chung sống thì vợ chồng luôn phát phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, thường

hay cự cãi, anh Ch không lo làm ăn, không quan tâm vợ con nên mâu thuẫn giữa chị và anh Ch không thể hàn gắn được nữa.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Mẫn Đ, sinh ngày 28/02/2008. Hiện nay cháu Đ đang chung sống cùng chị C.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị C xác nhận không có.

Do xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh Ch.

- Về con chung: Chị C yêu cầu được nuôi cháu Đ, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị C xác nhận không có tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Huỳnh Văn Ch trình bày như sau:* Anh Ch xác nhận, anh và chị C chung sống từ năm 2007 và được UBND xã V.Kh.Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/5/2007. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân của vợ chồng như chị C trình bày là đúng. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Lâm Thị C; Về con chung, anh Ch đồng ý giao cháu Huỳnh Mẫn Đ cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung, anh Ch xác nhận không có tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Chị C yêu cầu được ly hôn với anh Ch; về con chung: Yêu cầu được nuôi cháu Đ, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung không tranh chấp nên chị C không yêu cầu giải quyết.

- Anh Ch vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị C, bà T đề nghị: HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị C về việc cho chị C được ly hôn với anh Ch và cho chị C được nuôi cháu Đ, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con. Đối với tài sản và nợ thì anh chị đã xác định không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự;

Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh và đúng quy định; phía bị đơn chấp hành pháp luật tố tụng chưa đảm bảo, vắng mặt không có lời trình bày tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Lâm Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn Ch là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi chị C khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì anh Ch đang cư trú và sinh sống tại ấp M.C, xã V.Kh.Đ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Toà án đã triệu tập anh Ch tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh Ch có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh Ch. Qua yêu cầu của các đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị C và anh Ch chung sống với nhau từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V.Kh.Đ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang vào ngày 18/5/2007 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị C về việc ly hôn với anh Ch, HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì chị C cho rằng sau khi kết hôn và qua thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau không hàn gắn được nên anh chị đã ly thân từ năm 2012 đến nay. Qua xác minh tại nơi cư trú, cho thấy trong quá trình chung sống giữa chị C và anh Ch có phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do anh chị không cùng quan điểm sống. Đồng thời, anh Ch cũng đồng ý ly hôn với chị C nhưng tại phiên tòa anh Ch vắng mặt nên HĐXX không thể ghi nhận việc anh chị thuận tình ly hôn.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, lời đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị C được ly hôn với anh Ch.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị C và anh Ch xác nhận, anh chị có 01 con chung là cháu Huỳnh Mẫn Đ (sinh ngày 28/02/2008, giới tính nam) hiện nay đang chung sống cùng chị C. Chị C yêu cầu được tiếp tục được nuôi cháu Đ và anh Ch đồng ý giao cháu Đ cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, HĐXX xét thấy yêu cầu của chị C và sự tự nguyện của anh Ch phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ nên HĐXX ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị C và anh Ch xác định không có tranh chấp nên HĐXX không xem xét. Nhưng sau khi ly hôn, có phát sinh nợ chung trong thời gian hôn nhân của chị C và anh Ch thì anh chị vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[5] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Do chị C thuộc đối tượng (Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn) theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 nên chị C được miễn tiền án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Lâm Thị C được ly hôn với anh Huỳnh Văn Ch.

2. *Về con chung*: Giao cháu Huỳnh Mẫn Đ, sinh ngày 28/02/2008 - giới tính nam (*theo nguyện vọng của cháu Đ*) cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị C không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con nhưng khi cần thiết, chị C có quyền yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị C được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4. *Quyền kháng cáo*: Chị C có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/9/2020).

Riêng anh Ch vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã **V.Kh.Đ**;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh

